TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 04/9/2024.
V/v: "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Ngô Thị Muỗi.
Ông Lưu Quốc Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 22/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hữu B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số A, ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2024, nguyên đơn chị Lê Thị Hữu B trình bày:

Vào năm 2009 chị và anh Lâm L tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/8/2009; thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống đến nay. Chị và anh L có 02 con chung tên Lâm Lê Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009 và Lâm Lê Hoàng V, sinh ngày 31/7/2011, hiện đang sống với chị B; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh L; chị xin tiếp tục nuôi 02 con chung đến trưởng thành, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lâm L:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Lê Thị Hữu B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn Lâm L đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy anh Lâm L và chị Lê Thị Hữu B tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/8/2009, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, nên chị và anh L không còn sống chung cho đến nay. Thời gian Tòa án thụ lý đến nay chị B cương quyết ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên Lâm Lê Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009 và Lâm Lê Hoàng V, sinh ngày 31/7/2011, hiện đang sống với chị B.

Xét thấy, tại các biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 30/5/2024 các cháu Lâm Lê Hoàng P và Lâm Lê Hoàng V đều có nguyện vọng xin được sống chung với chị B; mặt khác từ khi chị B và anh L không còn sống chung, các con sống chung với chị B. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên tiếp tục giao con cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp; chị Bằng K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hữu B và anh Lâm Lang .

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lâm Lê Hoàng P, sinh ngày 24/8/2009 và Lâm Lê Hoàng V, sinh ngày 31/7/2011 cho chị Lê Thị Hữu B tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, giành quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung cho anh Lâm Lang . Chị Băng K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Hữu B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Hữu B chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0000888 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm**.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Lương Hòa Lạc, H. Chợ Gạo, TG;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Trúc